

Số: 504/ CBTT - CBS

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2022

V/v: Công bố Báo cáo thường niên
năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Mã chứng khoán: CBS

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Đoàn Kết, Thị trấn Tà Lùng - huyện Quảng Hòa - tỉnh Cao Bằng

Điện thoại liên hệ: 0206 3 824121 Số Fax: 0206 3 824113

E-mail: caobangsugar@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nông Văn Thuyết - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

Điện thoại di động: 0914523666

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

II. Nội dung thông tin công bố:

Công bố BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 (kỳ hoạt động từ tháng 07/2021 đến hết tháng 06/2022) của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty vào ngày 05/10/2022 tại đường dẫn:

<http://www.miaduongcaobang.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên số 503/BCTN-CBS ngày 05/10/2022.

Nơi nhận :

- Như kính gửi;
- Đăng website;
- Lưu Vt.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
CHỦ TỊCH HĐQT



Nông Văn Thuyết

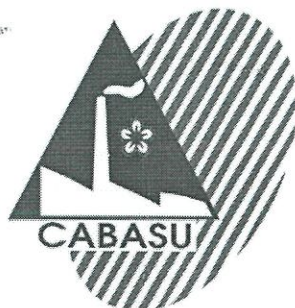
**CÔNG TY
CỔ PHẦN
MÍA
ĐƯỜNG
CAO BẰNG**

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN MÍA
ĐƯỜNG CAO
BẰNG
Date: 2022.10.05
17:30:29 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN MÍA
ĐƯỜNG CAO
BẰNG
Date: 2022.10.05
17:30:29 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Đơn vị: Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

Địa chỉ : Thị Trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

Điện thoại : 0206 3824121

Fax : 0206 3824113

Website : www.miaduongcaobang.vn

Email :

Tháng 9 năm 2022

MỤC LỤC

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro ảnh hưởng

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức nhân sự
3. Tình hình đầu tư dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động công ty

1. Về các mặt hoạt động
2. Về hoạt động của Ban tổng giám đốc
3. Kế hoạch định hướng

V. Quản trị công ty

VI. Báo cáo tài chính

Số: **503**/2022/CBTN-CBS

Cao Bằng, ngày **05** tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Năm tài chính: Từ 01/07/2021 đến 30/06/2022

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát .

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1103000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 14/03/2006 đến nay đã được thay đổi lần thứ 06: mã số doanh nghiệp 4800104012 ngày 12/04/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.
- Vốn điều lệ : 35.279.250.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 35.279.250.000 đồng
- Địa chỉ : Tổ dân phố Đoàn kết, thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại : 026 3824121 ; Số Fax : 026 3824113
- Website : www.miaduongcaobang.vn
- Mã cổ phiếu: CBS

2. Quá trình hình thành và phát triển .

- Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty mía đường Cao Bằng được khởi công xây dựng theo Quyết định số 292/UB-QĐ ngày 16/04/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Đến tháng 12/1997 nhà máy được hoàn thành và đi vào vụ sản xuất đầu tiên với công suất thiết kế là 700 tấn mía/ ngày.
- Ngày 08/07/1996 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao bằng ban hành Quyết định số 584/UB-QĐ-DN về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty mía đường Cao Bằng.
- Giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2005: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, vùng nguyên liệu phát triển chưa ổn định không cung cấp đủ nguyên liệu mía cho sản xuất, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ triền miên, Công ty có nguy cơ bị phá sản, đây cũng là tình hình chung của các công ty sản xuất

mía đường trong nước. Trước những khó khăn chung của ngành sản xuất mía đường, để tháo gỡ khó khăn Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/03/2004 về việc tổ chức lại sản xuất và thực hiện một số giải pháp xử lý khó khăn đối với các nhà máy và công ty đường.

- Thực hiện Quyết định 28 của Chính phủ, các khó khăn lớn về tài chính của Công ty mía đường Cao Bằng đã được giải quyết, Công ty đã được chính phủ cho phép xóa nợ thuế, nợ lãi tiền vay ngân hàng, nợ phí bảo lãnh nhập khẩu thiết bị, được cấp bù chênh lệch tỷ giá, được gia hạn trả nợ vốn vay đầu tư xây dựng Nhà máy, được bổ sung mở rộng vùng nguyên liệu mía và được sắp xếp chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần.
- Ngày 19/12/2005 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 3560/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty mía đường Cao Bằng thành công ty cổ phần. Ngày 20/01/2006 Đại hội đồng cổ đông sáng lập công ty được tổ chức, Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 1103000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng cấp ngày 14/03/2006 với số vốn điều lệ ban đầu là 3.638.960.000 đồng.
- Giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2009: Sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần, công ty vẫn gặp nhiều khó khăn, sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả do năng lực về tài chính còn yếu; thị trường tiêu thụ chưa ổn định; giá bán đường thấp; công suất của dây truyền sản xuất đường chưa được nâng cấp cải tạo dẫn đến thời gian vụ sản xuất kéo dài (vụ ép 2007-2008 kéo dài đến tháng 6/2008) sản xuất không hiệu quả.
- Trước những khó khăn thách thức mới, Ban lãnh đạo Công ty đã lựa chọn giải pháp đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất chế biến đường nhằm rút ngắn thời gian sản xuất, tăng hiệu suất thu hồi, giảm chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm. Năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt dự án đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất đường từ 700 tấn mía/ ngày lên 1.800 tấn mía/ ngày, dự kiến hoàn thành trong năm 2014. Kết quả thực hiện, sau khi được đầu tư nâng cấp đến vụ sản xuất 2012-2013 công suất ép thực tế đạt 1.600 tấn mía/ ngày, các vụ sản xuất tiếp theo công suất ép thực tế đều đạt 1.700 tấn mía/ ngày, dây truyền sản xuất ổn định đáp ứng được yêu cầu đề ra, sản xuất kinh doanh của Công ty từng bước được ổn định, hiệu quả.
- Công ty đã trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 1943/UBCK-QLPH ngày 01/6/2012 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường UPCOM kể từ ngày 20/06/2017.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

a. **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất đường kính từ cây mía;

Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.

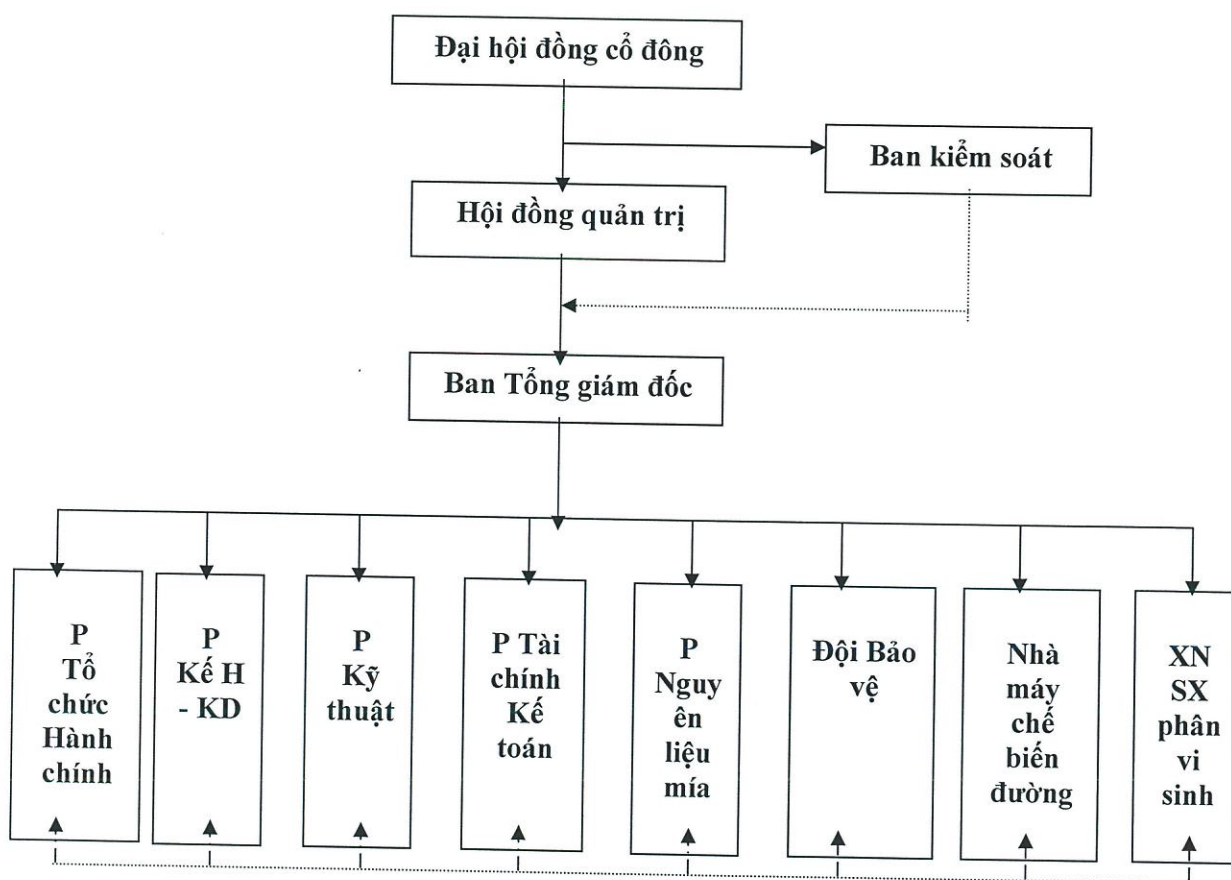
b. **Địa bàn kinh doanh:**

- Vùng nguyên liệu mía: Gồm Huyện Quảng Hòa (sát nhập huyện Phục Hòa và Huyện Quảng Uyên), Huyện Thạch An, huyện Trùng Khánh của Tỉnh Cao Bằng.
- Địa bàn tiêu thụ: Địa bàn tiêu thụ chính trong hai năm gần nhất là các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thái Nguyên, Cao Bằng và các tỉnh lân cận.

4. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

- Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty



- Công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. **Định hướng phát triển :**

- **Mục tiêu chủ yếu :**

Phát triển Công ty thành một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề trên cơ sở phát huy tối ưu ngành chế biến mía đường, sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh, từng bước phát triển vững chắc các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, dịch vụ nhằm tăng nhanh quy mô và hiệu quả kinh doanh đưa công ty thành một doanh nghiệp mạnh trên địa bàn Tỉnh Cao Bằng.

- **Kế hoạch phát triển :**

- + **Sản xuất mía đường :**

- Xây dựng vùng nguyên liệu: Ủy ban nhân Tỉnh Cao Bằng đã phê duyệt bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía giai đoạn 2012-2015 tại Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 nâng tổng diện tích mía theo quy hoạch lên 4.200 ha nằm trên 26 xã, thị trấn thuộc 03 huyện Phục Hòa, huyện Quảng Uyên, huyện Thạch An của tỉnh Cao Bằng với mục tiêu của Công ty nhằm phát triển vùng nguyên liệu mía ổn định, bền vững, cung cấp đủ sản lượng mía nguyên liệu từ 200.000 tấn trở lên theo lộ trình mở rộng công suất của Công ty .

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công tác khuyến nông vào việc thâm canh tăng năng suất, chuyển dịch cơ cấu giống mía mới cho năng suất và chất lượng cao .

- Tiếp tục duy trì công suất chế biến đường từ 1.700 – 1.800 tấn mía/ ngày trong giai đoạn 2020-2025 trên dây chuyền công nghệ tiên tiến đảm bảo đường thành phẩm đạt chất lượng cao phù hợp thị hiếu người tiêu dùng .

- Tiếp tục củng cố mối quan hệ với chính quyền địa phương, các xã có diện tích mía và người dân trồng mía với phương châm đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người nông dân .

- + **Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh .**

Đẩy mạnh sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh đảm bảo chất lượng với số lượng duy trì từ 3.000 - 4000 tấn/ năm để cung ứng cho vùng nguyên liệu mía, từng bước phát triển thêm các loại phân bón hữu cơ vi sinh phù hợp với các loại cây trồng khác nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động trong khu vực và công nhân nhà máy đường sau vụ có công việc ổn định đồng thời góp phần vào lợi nhuận chung của công ty .

6. Các rủi ro :

- Năm 2021 – 2022 là năm khó khăn và thách thức lớn đối với các nước trên thế giới trong đó có Việt Nam do ảnh hưởng nặng nề của Covid-19 dẫn đến đứt gãy chuỗi cung ứng, hoạt động giao thương của các quốc gia trên thế giới gặp khó khăn . Nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội khiến sản xuất và tiêu dùng bị đình trệ, giao thương buôn bán rất khó khăn. Từ đó khiến nhu cầu tiêu thụ giảm, chi phí nguyên vật liệu đầu vào và chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao.

- Gian lận thương mại nhập khẩu đường từ các nước trong khối Asean diễn biến phức tạp. Ngày 15/06/2021, Bộ Công Thương ban hành quyết định số 1578/QĐ- BCT về áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan thì sản lượng đường nhập khẩu tăng bất thường từ các nước Lào, Campuchia, Malaysia, Myanmar và Indonesia trong khi năng lực sản xuất đường của các nước này còn thấp.

Những yếu tố bất lợi trên đã tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2022:**

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH năm 2020 (từ T7/20 đến hết T6/21)	Năm 2021 (từ T7/2021 đến hết T6/2022)		So sánh (%) số TH năm 2021 với:	
				Số kế hoạch	Số thực hiện	KH năm 2021	TH năm 2020
1	Sản lượng mía nguyên liệu	tấn	139,294	134,648	161,694	120.09	116.08
2	Sản lượng đường sản xuất	tấn	16,950	14,960	17,035	113.87	100.50
3	Doanh thu thuần	tr.đồng	243,753	217,756	240,467	110.43	98.65
4	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	56,453	21,346	49,938	233.95	88.46
5	Nộp ngân sách Nhà nước	tr.đồng	12,176	8,500	12,882	151.55	105.80
6	Vốn điều lệ	tr.đồng	35,279	35,279	35,279	100.00	100.00
7	Vốn chủ sở hữu	tr.đồng	118,174	139,520	163,309	117.05	138.19

- Thành tích đạt được :**

Vụ ép 2021-2022 các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đạt và vượt kế hoạch đề ra. Công ty tổ chức tốt sản xuất; thu mua hết mía nguyên liệu cho các nông hộ, thanh toán tiền mía cho các nông hộ qua tài khoản ngân hàng (tỷ lệ thanh toán qua tài khoản đạt trên 95%). Tổng sản lượng mía đã thu mua là 161.694 tấn.

Duy trì công suất ép bình quân đạt 1.700 tấn mía ngày, thời gian sản xuất vụ 2021-2022 đúng kế hoạch.

Tiếp tục sản xuất đường kính vàng (đường hoa mai), chất lượng đáp ứng được thị hiếu nhu cầu của người tiêu dùng.

▪ **Tồn tại hạn chế của vụ sản xuất 2021-2022:**

Diện tích sản xuất mía của các nông hộ ít, manh mún nên việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất mía gặp nhiều khó khăn, việc đốn chặt khuôn vác mía ra tập kết và bốc xếp lên xe tiêu tốn nhiều công sức và nhân lực của người trồng mía.

Ảnh hưởng của thời tiết dẫn đến chất lượng mía nguyên liệu đạt thấp hơn kế hoạch (Trữ đường bình quân niên vụ SX 2021-2022 là 11,02 CCS đạt 98,75% kế hoạch và chỉ đạt 89,69% so với vụ SX 2020-2021.

Mía nguyên liệu sản xuất trong vùng nguyên liệu của công ty vẫn bị tư thương tranh mua mía cả cây để làm thức ăn chăn nuôi.

Giá vật tư đầu vào cho vụ sản xuất mía như phân bón, thuốc trừ cỏ đều tăng mạnh làm giảm hiệu quả của việc trồng mía.

Dây chuyền sản xuất xảy ra sự cố nhiều hơn vụ trước, tổng thu hồi sản xuất và tỷ lệ mía/đường không đạt theo kế hoạch.

2. Tổ chức nhân sự .

Năm 2021 có sự thay đổi thành viên trong Ban điều hành.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm
1. Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/04/2021
2. Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/04/2021; từ ngày 01/04/2021 là TV HĐQT
3. Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020
5. Ông Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/10/2020
6. Bà Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020

Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng Ban	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020
2. Ông Trương Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020
3. Ông Đinh Bế Đính	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020

Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm
2. Ông Ma Trung Lập	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020
3. Ông Nông Thị Nậu	Phó tổng giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020

4. Ông Nông Văn Sơn	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 05/04/2022
5. Bà Mã Thị Quyết	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2006

Tóm tắt lý lịch cá nhân của các thành viên HĐQT, BKS và ban điều hành:

2.1. Thành viên Hội đồng quản trị:

2.1.1. Ông Nông Văn Thuyết – Thành viên HĐQT; Chủ tịch HĐQT từ 01/04/2021

Họ và tên	NÔNG VĂN THUYẾT
Số CMTND	080528076 cấp ngày 12/04/2012 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/ 07/ 1984
Nơi sinh	Xã Chí Viễn. H. Trùng Khánh. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Chí Viễn. H. Trùng Khánh. T. Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Thị trấn tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824150
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân cơ giới hóa lâm nghiệp
Quá trình công tác	
09/2009 → 11/2019	Cán bộ Phòng Kỹ thuật, Công ty CP Mía đường Cao Bằng
12/2019 → 07/2020	Trưởng phòng kỹ thuật, Công ty CP Mía đường Cao Bằng
08/2020 → 03/2021	Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật, Công ty CP Mía đường Cao Bằng
04/2021 → nay	Chủ tịch HĐQT, Công ty CP Mía đường Cao Bằng.
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Cán bộ kỹ thuật công ty CP mía đường Cao Bằng. Từ ngày 01/08/2020 được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	5,12% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	0,13% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.2 Ông Nông Văn Lạc - Chủ tịch HĐQT đến 31/03/2021; là thành viên HĐQT từ ngày 01/04/2021.

Họ và tên	NÔNG VĂN LẠC
Số CMTND	080385530 cấp ngày 25/12/2012 tại công an Cao Bằng
Giới tính	nam
Ngày tháng năm sinh	22/02/1961
Nơi sinh	Xã Chí Viễn. Huyện Trùng Khánh . Tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Chí Viễn. Huyện Trùng Khánh. Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3 824160
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế. Cao cấp lý luận chính trị
Quá trình công tác	
04/1985 → 11/1985	Nhân viên kế toán Sở Thương nghiệp Cao Bằng
12/1985 → 09/1987	Nhân viên kế toán tổng hợp công ty thực phẩm nông sản Cao Bằng
10/1987 → 03/1993	Phó phòng kế toán công ty thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
04/1994 → 08/1996	Phó giám đốc công ty thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
09/1996 → 09/2000	Trưởng phòng kế toán công ty mía đường Cao Bằng
10/2000 → 08/2004	Phó giám đốc công ty mía đường Cao Bằng
09/2004 → 12/2005	Giám đốc công ty mía đường Cao Bằng
01/2006 → 06/2011	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
07/2011 → 07/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD công ty CP mía đường Cao Bằng
08/2020 → 03/2021	Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Cao Bằng
04/2021 → nay	Thành viên HĐQT Công ty CP mía đường Cao Bằng

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên HĐQT.
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	45,11% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	1,26 %/ vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.3 Ông Ma Trung Lập – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	MA TRUNG LẬP
Số CMTND	080425042 cấp ngày 19/06/2012 ; nơi cấp: Công an Cao Bằng
Giới tính	nam
Ngày tháng năm sinh	02/06/1964
Nơi sinh	TT.Hòa Thuận.. H. Phục Hòa. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	TT.Hòa Thuận, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Tổ dân phố 8, TT.Hòa Thuận, H.Quảng Hòa, T.Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân cơ điện
Quá trình công tác	
05/1995 → 02/1996	Cán bộ kỹ thuật nhà máy xi măng Cao Bằng
03/1996 → 07/1997	Phó quản đốc PX nhà máy xi măng Cao Bằng
08/1997 → 12/1997	Cán bộ kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
01/1998 → 03/1998	Phó quản đốc PX cán thép công ty mía đường Cao Bằng

04/1998 → 10/2000	Quyền QĐ PX sửa chữa cơ điện công ty mía đường Cao Bằng
11/2000 → 07/2003	Phó phòng kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
08/2003 → 10/2004	Trưởng phòng kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
11/2004 → 12/2005	Phó giám đốc công ty Mía đường Cao Bằng
01/2006 → 06/2011	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty CP Mía đường Cao bằng
07/2011 → 07/2020	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
08/2020 → nay	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Phó chủ tịch HĐQT kiêm phó Tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0,53% Vốn Điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.4 Bà Mã Thị Quyết - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên	MÃ THỊ QUYẾT
Số CMTND	080358911 cấp ngày 20/07/2009 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	01/ 10/ 1973
Nơi sinh	Xã Hoàng Tung. Huyện Hòa An. Tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày

Quê quán	Xã Hoàng Tung. Huyện Hòa An. Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3 824130
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác	
12/1997 → 03/1998	NV kế toán công ty mía đường Cao Bằng
04/1998 → 10/2000	Phó phòng kế toán công ty mía đường Cao Bằng
11/2000 → 12/2002	Quyền TP kế toán công ty mía đường Cao Bằng
01/2003 → 09/2006	TP kế toán công ty mía đường Cao Bằng
10/2006 → nay	Kế toán trưởng công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng công ty
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	1,46% Vốn Điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	0,07% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.5. Ông Nông Văn Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc từ 05/04/2022

Họ và tên	NÔNG VĂN SƠN
Số CMTND	004096000011; ngày cấp 19/12/2018; nơi cấp: Công an TP Hà Nội
Giới tính	nam
Ngày tháng năm sinh	24/10/1996.
Nơi sinh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày

Quê quán	Xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Tổ 9, P. Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	0206 3 824174
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
12/2018 → 12/2020	Trợ lý kiểm toán tại Công ty TNHH TV thuế, kế toán và kiểm toán AVINA - IAFC
01/2021 → 04/2022	Nhân viên Phòng Kế hoạch kinh doanh, Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng.
04/2022→ nay	Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0,89 % vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	45,32 % vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.2. Thành viên ban kiểm soát:

2.2.1 Bà Hoàng Thị Quyết - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	HOÀNG THỊ QUYẾT
Số CMTND	080389349 cấp ngày 10/04/2012 tại CA tỉnh Cao Bằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	01/ 10/ 1974

Nơi sinh	Xã Nam Tuấn. H. Hòa An. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Nam Tuấn. H. Hòa An. T. Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	TT Tà Lùng. huyện Quảng Hòa. Tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
06/1996 → 12/1996	Nhân viên công ty Thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
01/1997 → 05/2006	Nhân viên công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
06/2006 → 10/2015	Phó phòng Tài chính kế toán công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2015 → nay	Trưởng ban kiểm soát công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Trưởng Ban kiểm soát công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0,02% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	0,03% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.2.2. Ông Trương Minh Đức – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	TRƯƠNG MINH ĐỨC
Số CMTND	080468357 cấp ngày 01/07/2009 nơi cấp CA Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	12/ 02/ 1978
Nơi sinh	Xã Vân Sơn. huyện Thiệu Sơn. tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Vân Sơn. huyện Thiệu Sơn. tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	Phường Sông Bằng. Thành phố Cao Bằng. tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện tự động hóa công nghiệp
Quá trình công tác	
11/1999 – 12/2000	Công nhân vận hành công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
01/2001 – 10/2011	Công nhân sửa chữa điện công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2011 – 10/2013	Kỹ thuật viên xưởng công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2013 – 09/2014	Nhân viên phòng kỹ thuật công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
10/2014 – đến nay	Quản đốc phân xưởng Động Lực công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên BKS Công ty CP Mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.2.3. Ông Đinh Bế Đính – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	ĐINH BẾ ĐÍNH
Số CMTND	080375579 cấp ngày 03/08/2011 tại CA Cao Bằng
Giới tính	nam
Ngày tháng năm sinh	14/ 11/ 1982
Nơi sinh	Xã Mỹ Hưng. H. Quảng Hòa, T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Mỹ Hưng. H. Quảng Hòa. T. Cao Bằng

Địa chỉ thường trú	Xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ điện
Quá trình công tác	
08/2007 – 09/2011	Cán bộ kỹ thuật + Phó quản đốc Xưởng Đường công ty CP mía đường Cao Bằng
10/2011 – đến nay	Quản đốc PX Cán Ép công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên BKS công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0,04% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	0 % Vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.3. Thành viên ban Tổng Giám đốc

2.3.1. Ông Nông Văn Thuyết (Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục 2.1.1 - Hội đồng quản trị)

2.3.2. Ông Ma Trung Lập (Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục 2.1.3 - Hội đồng quản trị)

2.3.3. Ông Nông Văn Sơn Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục 2.1.5 - Hội đồng quản trị)

2.3.4. Bà Nông Thị Nậu – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	NÔNG THỊ NẬU
Số CMTND	085088020 cấp ngày 09/06/2011 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	22/ 12/ 1968
Nơi sinh	X. Hồng Định. H.Quảng Hòa. T. Cao Bằng

Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Hồng Định. Huyện Quảng Hòa. Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Xã Hồng Định. Huyện Quảng Hòa. Tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824487
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư nông nghiệp
Quá trình công tác	
10/1997 – 12/1997	Công nhân công nghệ đường công ty mía đường Cao Bằng
01/1998 – 10/1998	Phó Quản đốc PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
11/1998 – 12/2000	Quyền QĐ PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
01/2001 – 07/2003	Quản đốc PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
08/2003 – 11/2010	Trưởng phòng nguyên liệu mía công ty CP mía đường Cao Bằng
12/2010 – 06/2011	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
07/2011 – 10/2015	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
11/2015 - đến nay	Phó tổng giám đốc. công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Phó Tổng giám đốc phụ trách vùng nguyên liệu mía; Chủ tịch công đoàn Công ty.
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	chiếm 0,28 % vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	0 % vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.4. Kế toán trưởng: Bà Mã Thị Quyết – Kế toán trưởng

(Sơ yếu lý lịch của kế toán trưởng đã được trình bày tại mục 2.1.4 - Hội đồng Quản trị)

2.5. Cơ cấu lao động của Công ty:

Cơ cấu lao động ngày 30/06/2022

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học trở lên	27	9,31
2	Cao đẳng, trung cấp	246	84,83
3	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	17	5,86
Tổng cộng		290	100

Thu nhập của người lao động

	Niên độ 2019 - 2020	Niên độ 2020 - 2021	Niên độ 2021 - 2022
Mức lương bình quân	4.908.000 đồng/người/tháng	5.715.000 đồng/người/tháng	6.300.000 đồng/người/tháng

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .

Dây truyền sản xuất chế biến đường được bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, trong năm chi phí đầu tư nâng cấp sửa chữa thiết bị là 4,154 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính:

a> Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020 (từ T7/2020 -> hết T6/2021)	Năm 2021 (từ T7/2021 -> hết T6/2022)	Tỷ lệ % tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	166,765	227,606	(+) 36.48
2	Doanh thu thuần	Tr. đồng	243,753	240,467	(-) 1.35
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	54,030	63,001	(+) 16.6
4	Lợi nhuận khác	Tr. đồng	2,933	(541)	(-) 118.45
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr. đồng	56,963	62,460	(+) 9.65

6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	56,453	49,939	(+) 11.54
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	10	80	(+)700.00

b> Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2020 (từ T7/2020 -> hết T6/2021)	Năm 2021 (từ T7/2021 -> hết T6/2022)	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,20	2,59	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,69	1,5	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,29	0,28	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,41	0,39	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	5,68	3,70	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,46	1,06	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,23	0,20	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,47	0,31	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,34	0,22	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,22	0,26	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .

a> Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 3.527.925 cổ phần
- Loại CP đang lưu hành: Cổ phần phổ thông

- Số lượng CP chuyển nhượng tự do: 3.527.925 cổ phần
- Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: Không

b> Cơ cấu cổ đông (Danh sách cổ đông có đến 30/6/2022):

Tổng số cổ đông: 355 Cổ đông, số CP: 3.527.925, tỷ lệ sở hữu 100%, trong đó:

- Cổ đông lớn: 02 Cổ đông trong đó:

+ Cổ đông lớn là cá nhân: Ông Nông Văn Lạc, số cổ phần nắm giữ là 1.541.319 CP, tỷ lệ sở hữu 45,11%.

Ông Nông Văn Thuyết, số cổ phần nắm giữ là 180.616 CP, tỷ lệ sở hữu 5,12%

+ Cổ đông lớn là tổ chức: Không có

- Cổ đông nhỏ: 353 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 1.805.990 CP, chiếm tỷ lệ sở hữu: 51,2%, trong đó:

+ Cổ đông tổ chức: 01 cổ đông là Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Song Phương, số cổ phần nắm giữ: 1.460.000.000 CP chiếm tỷ lệ: 4,14%

+ Cổ đông cá nhân: 352 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 1.659.990 CP, chiếm tỷ lệ sở hữu: 45,64%,

- Cổ đông trong nước: chiếm tỷ lệ sở hữu 100%.

- Cổ đông nước ngoài: Không có.

c> Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ):

Thời điểm góp vốn	Nội dung tăng vốn điều lệ	Vốn điều lệ (đồng)
Năm 2006	Vốn góp của cổ đông sáng lập	3.638.960.000
Năm 2012	Phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu	11.644.600.000
Năm 2015	Phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động và nhà đầu tư riêng lẻ	2.716.440.000
Năm 2017	Phát hành cổ phiếu để trả cổ phiếu thưởng và chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu	7.200.000.000
Năm 2018	Phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu	10.079.250.000
Tổng cộng		35.279.250.000

d> Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e> Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .

6.1. Tác động lên môi trường:

Công ty có hệ thống bể xử lý nước thải, hệ thống thiết bị quan trắc tự động, đảm bảo nước thải sản xuất thải ra môi trường đạt các chỉ tiêu theo quy định.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tiêu thụ nguyên liệu:

Nguyên liệu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Mía đường Cao Bằng là cây mía. Khối lượng mía đưa vào sản xuất trong niên độ 2021 – 2022 là 161.694 tấn. Sau khi tiến hành sản xuất đường thì các phế phẩm được thu hồi và xử lý như sau:

- Đối với bã mía: Được sử dụng làm nhiên liệu đốt cho lò hơi để cung cấp nhiệt cho dây truyền SX chế biến đường; Số lượng bã không sử dụng hết được bán ra thị trường;
- Đối với bã bùn: Được sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Mật rỉ: Được thu vào bồn chứa và bán cho cơ sở sản xuất cồn.

b) Tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng:

Trong dây truyền sản xuất mía đường, nguồn nhiên liệu chính mà Công ty sử dụng là bã mía làm nguyên liệu đốt cho lò hơi để cung cấp nhiệt cho chạy tuabin phát điện và cung cấp nhiệt cho nấu đường.

c) Tiêu thụ nước:

Nguồn nước công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh được sử dụng trực tiếp từ nước sông (nước mặt).

Lượng nước thải của Công ty sau quá trình sản xuất được thu gom, xử lý và xả thải đúng quy định, đảm bảo không gây các tác động xấu đến môi trường xung quanh.

c) Chính sách đối với người lao động

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:
 - Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Bồi dưỡng đội ngũ quản lý có năng lực, trình độ chuyên môn;
 - Sắp xếp, tinh giản lại nhân sự các phòng ban theo hướng gọn nhẹ;
 - Thu hút nguồn nhân lực có năng lực, kinh nghiệm và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chính sách lương thưởng – phúc lợi

- Xây dựng chế độ Tiền lương, thưởng và phụ cấp cho cán bộ nhân viên một cách rõ ràng, minh bạch. Tiền lương bình quân của người lao động trong năm là 6.300.000 đồng/ người/ tháng.
- Thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quy định của Nhà nước liên quan đến chế độ và quyền lợi của người lao động. 100% người lao động của công ty được đóng đầy đủ BHXH.
- Thương xuyên quan tâm đến đời sống như tinh thần của cán bộ nhân viên bằng các hoạt động đoàn thể, thăm quan – du lịch hay thể dục – thể thao, ...

d) Tuân thủ pháp luật về môi trường

Công ty luôn chủ động nắm bắt và cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng luôn đảm bảo tuân thủ tốt các quy định về môi trường. Trong năm Công ty không bị xử phạt do không tuân thủ quy định về môi trường của Cơ quan quản lý Nhà nước.

e) Trách nhiệm đối với cộng đồng – xã hội

Từ khi thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng luôn ý thức việc phát triển doanh nghiệp gắn liền với trách nhiệm đối với cộng đồng - xã hội.

Bên cạnh việc tuân thủ nghĩa vụ về Thuế đối với nhà nước, Công ty có những hoạt động thiện nguyện như: Ủng hộ các quỹ từ thiện của địa phương; Tham gia phong trào đền ơn đáp nghĩa; Làm nhà tình nghĩa...

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vụ 2021-2022.

1.1. Kết quả sản xuất mía nguyên liệu.

a/ Đặc điểm vùng nguyên liệu:

- Vùng nguyên liệu của Công ty chủ yếu thuộc huyện Quảng Hòa, ngoài ra còn có một phần nhỏ thuộc huyện Thạch An và Trùng Khánh.
- Trong bối cảnh sản xuất kinh doanh dần được phục hồi, giá mía tăng theo giá đường nên vùng nguyên liệu của Công ty có xu hướng tăng nhưng không nhiều, nhiều diện tích đất nông dân đã chuyển đổi cây trồng khác nên diện tích mía tăng chậm so với kỳ vọng.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Vụ 19/20	Vụ 20/21	Vụ 21/22
1	Diện tích mía	Ha	2.710,17	2.047,48	2.182
2	Sản lượng mía	Tấn	144.352	138.937	164.180

3	Năng suất bq	Tấn/ha	53	67,86	70
---	--------------	--------	----	-------	----

- Diện tích đạt 80,51% so với vụ 19/20 và đạt 106,59% so vụ 20/21.

- Sản lượng đạt 112,55% so vụ 19/20 và đạt 116% so vụ 20/21.

b/ Kết quả vùng nguyên liệu đạt được

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 20/21	Vụ ép 21/22		Tỉ lệ % TH	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với (4)	So với (5)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Tổng diện tích	ha	2.182	2.500	2.251	103,16	90,04
2	Diện tích trồng mới	ha	963	1.100	946	98,23	86,00
3	Tổng sản lượng mía	Tấn	141.501	139.648	164.180	116,02	117,56
	<i>Tr. đó: Mía xuất khẩu</i>	<i>Tấn</i>	<i>0</i>		<i>0</i>		
	<i>Mía ngoài vùng NL</i>	<i>Tấn</i>	<i>2.643</i>		<i>10.201</i>	<i>385,96</i>	
4	Năng suất	Tấn/ha	68	64	70	103	109
5	Trữ đường bình quân	ccs	12,33	11,20	11,06	89,69	98,75

c/ Đánh giá kết quả đạt được:

- Năng suất tăng 3% so với vụ trước, 9% so với kế hoạch. Tuy nhiên CCS không đạt so với kế hoạch đề ra do chất lượng mía không được tốt.

- Sản lượng mía: 164.180 tấn (trong đó : 10.201 tấn mía ngoài vùng NL) tăng 16% so với kế hoạch (KH 139.648 tấn).

- Tổng diện tích mía vụ đông xuân 2021-2022 được 2.251 ha đạt 90% kế hoạch. Trong đó diện tích trồng mới 946 ha đạt 86% so với kế hoạch (KH 1.100 ha)

1.2. Kết quả thu mua, đồn chặt, vận chuyển

- Vụ ép 2021-2022 Công ty thu mua hết số mía đã ký hợp đồng với các hộ nông dân vùng nguyên liệu.

- Giá mua mía bình quân cả vụ tại nhà máy: 1.022 đồng/kg, tại ruộng là: 976 đồng/kg

- Giá mua mía bình quân cả vụ: 987,83 đồng/kg

- Tiền mía được thanh toán kịp thời, chính xác.

- Công tác đồn chặt, vận chuyển hợp lý, chủ động đáp ứng theo kế hoạch sản xuất của dây chuyền, tỷ lệ mía cũ, đầu đen, đầu đỏ ít.

1.3. Kết quả đầu tư vùng nguyên liệu .

- Niên vụ 2021-2022 Công ty vẫn duy trì chính sách đầu tư, khuyến khích đối với các hộ nông dân trồng mía như: cho vay phân bón, mía giống không tính lãi, hỗ trợ 100% đối với

giống mía mới QĐ 42; hỗ trợ hơn 50% đối với giống mía Hạ lang. Tổng số tiền đầu tư cho vụ 2022-2023: **13.305.962.800** đồng, tăng 154,86% so với vụ trước.

1.4. Tình hình thu nợ vụ 2021-2022:

Tổng tiền đầu tư vụ 2021-2022: 8.591.761.710 đồng

Tổng số đã thu được đến 30/6/2022: 8.580.009.100 đồng (99,88% so với TĐT) Số dư nợ tại ngày 30/6/2022 là : 11.752610 đồng đây là nợ cũ chuyển sang, số nợ cũ này tiếp tục thu và xử lý trong vụ 2022-2023.

1.5. Công tác khác vùng nguyên liệu :

Câu lạc bộ 80 tấn/ha, sau nhiều năm thành lập và hoạt động với mục đích nhân rộng mô hình trồng chăm sóc mía theo kỹ thuật canh tác, thúc đẩy tăng năng suất trong vùng nguyên liệu. Qua thống kê xem xét thấy mô hình đã hoàn thành sứ mạng của nó và không phù hợp bối cảnh hiện nay. Do vậy Công ty đã quyết định dừng tài trợ hoạt động câu lạc bộ mía 80 tấn/ha.

2. Kết quả sản xuất chế biến đường

- Vụ sản xuất 2021-2022 bắt đầu từ ngày 01/12/2021 và kết thúc ngày 29/3/2022. Trong quá trình sản xuất hầu hết các công đoạn trên dây chuyền đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt kế hoạch đề ra ở phần lớn các chỉ tiêu, cụ thể theo bảng số liệu sau:

2.1 Bảng chỉ tiêu kết quả sản xuất

T T	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị	TH vụ 20/21	Vụ 2021 - 2022			% so với vụ 20- 21
				KH	TH	% (TH/KH)	
1	2	3	4	5	6	7 = 6/5	8=6/4
I	Chỉ tiêu						
1	Sản lượng mía ép	Tấn	141.501		164.180		116,03
2	Sản lượng mía sạch	Tấn	139.294	139.641	161.694	115,79	116,08
3	Hàm lượng đường trong mía	%	13,804	13,15	12,46	94,75	90,26
4	Năng suất ép thực tế	t/ngày	1.577	1.600	1657,66	103,60	105,11
5	Pol bã	%	2,22	2,2	2,27	103,18	102,25
6	Ap mật rỉ	%	36,07	30	32,6	108,67	90,38
7	Pol bùn khô	%	12,11		9,96		82,25
8	Hiệu suất ép	%	96,59	96,6	96,09	99,47	99,48
9	Hiệu suất chế luyện	%	88,78	87,5	85,13	97,29	95,89
10	Tổng hiệu suất thu hồi	%	85,75	84,5	81,8	96,80	95,39
11	Tỷ lệ mía/đường		8.22	9	9,49	105,44	

11	Sản lượng đường <i>Trong đó:Đg trắng loạiI</i> <i>Đg vàng loạiI</i>	tấn tấn tấn	16.950,40 5.605,65 11.344,75	14.960 7.480,44 7.480,44	17.035,95 9.551,05 7.484,45	113,83 127,68 100,05	100,50 170,38 65,97
12	Tỷ lệ đường loại II	%	0	0	0		
13	ATTB Cán ép	%	98,27	98,0	97,8	99,80	99,52
14	ATTB Chế luyện	%	99,49	99,0	99,9	100,91	100,41
15	ATTB Động lực	%	99,99	98,5	99,38	100,89	99,39
II	Tồn thất						
1	Tồn thất theo bã	%	3,41	3,4	3,9	114,71	114,37
2	Tồn thất theo bùn	%	1,316	1,75	1,2	68,57	91,19
3	Tồn thất theo mật rỉ	%	8,815	8,65	8,43	97,46	95,63
4	Tồn thất không xác định	%	0,71	1,68	4,65	276,79	654,93
5	Tổng tồn thất	%	14,25	15,48	18,19	117,51	127,65
III	Tiêu hao						
1	Mía nguyên liệu	T/tsp	8,22	9	9,49	105,44	115,45
2	Điện mua	kw/tsp	10,7	< 8	9,1	113,75	85,05
3	Củi	M ³ /tsp	0,01	0,015	0,01	66,67	100,00
4	Lưu huỳnh	Kg/tsp	5,39	6,5	6,13	94,31	113,73
5	H ₃ PO ₄	Kg/tsp	0,78	1	0,645	64,50	82,69
6	Vôi	Kg/tsp	10,767	15	13,057	87,05	121,27
7	Lượng mật rỉ/ mía	%	3,84	< 4	3,84	96,00	100,00

2.2. Đánh giá kết quả đạt được

- Nguồn nguyên liệu đầu vào có chất lượng thấp, cỡ đường không cao. Dây chuyền sản xuất ổn định, kiểm soát tương đối tốt các chỉ tiêu, ban ĐHSX và trưởng các bộ phận sản xuất đã linh động điều chỉnh công suất và các chỉ tiêu kỹ thuật dây chuyền để hạn chế tối đa tổn thất.

- Tuy nhiên do chất lượng mía thấp không đạt theo chỉ tiêu gây khó khăn trong sản xuất chế biến nhiều chỉ tiêu chưa đạt theo kế hoạch cần có giải pháp hạn chế, khắc phục trong vụ tới điển hình như: Hiệu suất ép, AP mật rỉ cao; Hiệu suất tổng thu hồi; tiêu hao điện mua cao...

3. Kết quả hoạt động kinh doanh vụ 2021-2022

Hoạt động kinh doanh vụ 2021-2022 diễn ra tương đối thuận lợi với sự vào cuộc của Bộ công thương cho ra đời Quyết định 477/QĐ-BCT ngày 09/2/2021 về việc áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp tạm thời với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ vương quốc Thái Lan. Giá đường trong nước bắt đầu có sự chuyển biến tích cực, nhờ đó kết quả kinh doanh vụ 2021-2022 của Công ty Cổ phần mía đường Cao Bằng đạt được những thành quả nhất định cụ thể :

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh vụ 2021-2022 :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH vụ 20/21	KH vụ 21/22	TH vụ 21/22	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5	6	7	
I	PHẦN NHẬP KHO					6/5	6/4
1	SL đường sản xuất nhập kho	tấn	16.950,4	14.960	17.035,95	113,83	100,5
	- SL đường trắng	Tấn	5.605,65	7.480	9.551,05	127,68	170,40
	- SL đường vàng	tấn	11.344,75	7.480	7.484,45	100,06	65,97
2	SL đường gia công đóng túi	tấn	1.704,5	1.550,0	1.658,54	107,00	97,30
	- SL đường trắng	tấn	1.094,7	850,0	679,467	79,94	62,07
	- SL đường vàng	tấn	609,8	700,0	979,082	139,87	160,56
3	Sản lượng mật rỉ nhập kho	tấn	5.439	5.610	6.110	108,9	112,33
II	PHẦN TIÊU THỤ						
1	Sản lượng đường tiêu thụ	tấn	17.225	15.150,0	13.725,879	90,60	79,69
	Đường trắng bao	tấn	6.452	5.800,0	6.634,350	114,39	102,83
	Đường trắng túi	tấn	1.099,9	850,0	619,113	72,84	56,29
	Đường vàng bao	tấn	9.059,8	7.800,0	5.495,300	70,45	60,66
	Đường vàng túi	tấn	613	700,0	936,566	133,80	152,78
2	Sản lượng mật rỉ tiêu thụ	tấn	4.714	5.610,0	7.331,528	130,69	155,53
3	SL P.vi sinh	tấn	5,5				
4	SL P.vi sinh+bã bùn+tro lò	tấn	6.375	3.366,0	5.467,716	162,44	85,77
III	GIÁ BÁN CHƯA VAT						
	Giá đường bình quân	đ/kg	13.517	13.551	16.222,0	119,71	120,01
	Giá mật rỉ	đ/kg	2.032	2.047	2.251	109,97	110,78
	Giá bán P.vi sinh	đ/kg	2.106	500			
	Giá bán bã bùn+tro lò	đ/kg	209	200	250	125,00	119,6
IV	DOANH THU CHÍNH	1000đ	243.753.080	217.756.800	240.578.012	110,48	98,70
	Doanh thu đường	1000đ	232.829.406	205.300.000	222.658.706	108,46	95,63
	Doanh thu Mật rỉ	1000đ	9.578.581	11.483.670	16.503.572	143,71	172,30
	Phân Vi sinh	1000đ	11.585				
	Bã bùn + Tro lò	1000đ	1.333.508	973.200	1.416.681	145,57	106,24
V	DOANH THU KHÁC	1000đ	12.971.159		14.408.178		111,08
	Mía xuất khẩu	1.000	0		0		
	Doanh thu tài chính	1.000	614.116		766.625,837		124,83
	Doanh thu khác	1.000	12.357.043		13.641.553		110,39
VI	TỔNG CHI PHÍ	1000đ	199.760.867	191.073.244	192.380.959	100,68	96,31
	CP giá vốn	1.000	180.405.459	178.488.338	169.388.635	94,90	93,89
	CP tài chính	1.000	3.201.411	3.500.000	1.165.440	33,30	36,40
	CP bán hàng	1.000	1.190.046	1.378.274	1.185.819	86,04	99,64

	CP quản lý doanh nghiệp	1.000	5.539.922	7.706.631	6.492.370	84,24	117,19
	CP khác	1.000	9.424.029		14.148.695		150,13
VII	LỢI NHUẬN TT	1000đ	56.963.372	26.683.625	62.460.173	234,08	109,65
VIII	Nộp NSNN	1000đ	12.176.663	8.500.000	15.387.079	181,02	126,37
IX	Tổng số LĐ có mặt BQ năm	người	158				
X	Thu nhập BQ	1000đ	5.715		6.300		110,24

3.1 Đánh giá kết quả đạt được

• Về doanh thu

Năm 2021-2022 doanh thu chính Vụ ép 2021-2022 tăng 10,5 % so với kế hoạch tương ứng tăng số tiền là : 22.821 triệu đồng, doanh thu tăng do giá bán đường tăng trong năm so với kế hoạch.

Cụ thể chi tiết doanh thu các sản phẩm tăng: doanh thu sản phẩm đường tăng 10,5%; doanh thu mật rỉ tăng 43,71%; Doanh thu bã bùn tăng 45,56%.

• Sản lượng đường bán ra đạt 90,6% so với kế hoạch đề ra vì dịch bệnh Covid -19 kéo dài, sản xuất và tiêu dùng bị đình trệ, giao thương buôn bán khó khăn dẫn đến hàng tồn kho tăng cao.

• Về chi phí :

Tổng chi phí 2021-2022 tăng không đáng kể so với kế hoạch:

Trong đó Chi phí giá vốn giảm 5% nguyên nhân là do sản lượng đường xuất bán chỉ đạt 90,6% so với kế hoạch

Chi phí tài chính giảm mạnh 66,71% so với kế hoạch

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm so với kế hoạch.

• Lợi nhuận :

Vụ 2021 -2022 lợi nhuận trước thuế đạt 234% so với kế hoạch.

Nộp ngân sách nhà nước vượt 51% so với kế hoạch

4. Kết quả các mặt công tác khác

4.1. Về công tác lao động tiền lương

Công tác tổ chức lao động niên vụ 2021-2022 : Công ty đã sắp xếp lao động hợp lý để ổn định công tác tổ chức, đáp ứng được chất lượng công việc nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động, giảm chi phí sản xuất kinh doanh . Định biên lao động vụ 2021-2022 là 308 người giảm 3 người so với vụ trước. Tiền lương bình quân của người lao động là 6.300.000

đồng/người/tháng. Nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm đảm bảo quyền lợi cho CBCNV người lao động.

4.2. Công tác an ninh trật tự, an toàn lao động.

- Đảm bảo an toàn an ninh trật tự trong công ty.
- Giám sát, kiểm tra hướng dẫn CBCNV người lao động và khách hàng thực hiện nội quy quy định của công ty.
- Công tác an toàn lao động trong toàn Công ty được duy trì và thực hiện tốt, vụ ép 2021-2022 không xảy ra tai nạn lao động.

4.3. Công tác duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO:9001-2015.

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 được duy trì thường xuyên.

Công tác kiểm soát đảm bảo phòng chống dịch Covid-19 thực hiện tốt.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

• Công tác xây dựng và quản lý vùng mía nguyên liệu:

- Xây dựng chiến lược đầu tư vùng nguyên liệu với các giải pháp đồng bộ trên cơ sở diện tích đã quy hoạch một cách khoa học nhằm đảm bảo sản lượng mía nguyên liệu cho nhà máy hoạt động ổn định sau khi nâng công suất .

- Quan hệ với các Trung tâm nghiên cứu khoa học để tìm bộ giống mía có năng suất, chất lượng, phù hợp điều kiện khí hậu thổ nhưỡng trong vùng. Tuyên truyền, khuyến khích nông dân đẩy mạnh việc trồng và chăm sóc mía, với cơ cấu giống, phân bón khoa học nhằm tăng năng suất, chất lượng và rải vụ hợp lý.

- Điều chỉnh quy chế quản lý đầu tư và thu mua mía khoa học, sát thực tế và xây dựng các cơ chế chính sách kinh tế hỗ trợ đầu tư nhằm phát triển ổn định vùng nguyên liệu, nâng cao năng suất chất lượng mía.

- Phối hợp với các cấp chính quyền để giúp Công ty quản lý vùng nguyên liệu và chống tranh mua tranh bán mía nguyên liệu trong vùng đã được quy hoạch. Bên cạnh đó chủ động đưa ra các giải pháp để bảo vệ vùng nguyên liệu đã đầu tư .

• Công tác thiết bị.

- Đầu tư chiều sâu để nâng cao hiệu suất ép , hiệu suất tổng thu hồi , nâng cao chất lượng hạ giá thành sản phẩm. Khi kết thúc vụ ép thực hiện tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng dây truyền sản xuất, hoàn thành đầu tư nâng công suất Nhà máy chế biến đường theo đúng kế hoạch đề ra.

- Quan tâm đến công tác An toàn vệ sinh lao động – An toàn thực phẩm - Phòng chống cháy nổ .

- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường, không ngừng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải , khói , bụi , tiếng ồn ... bảo đảm quy chuẩn , quy phạm do Nhà Nước ban hành

- **Công tác tài chính:**

- Quản lý và sử dụng chặt chẽ các nguồn vốn, cân đối đủ nguồn vốn đầu tư cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh . Chủ động tìm và cân đối nguồn vốn sau khi dự án Mở rộng công suất Nhà máy đường đi vào hoạt động ,vốn cho SXKD, xây dựng cơ bản , sinh hoạt của Công ty .

- Quản lý tốt chi phí, giảm thiểu giá thành sản phẩm.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc thu nợ đầu tư đúng hạn đảm bảo nguồn vốn tái đầu tư cho công ty .

- Kiểm soát và sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển vốn .

- Bổ sung các chế tài quản lý tài chính phù hợp luật pháp Nhà nước và điều lệ Công ty .

- **Công tác tổ chức - lao động - tiền lương:**

- Quản lý điều hành sản xuất thông qua quy chế, thường xuyên rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật và áp dụng chế tài chặt chẽ, thưởng phạt nghiêm minh nhằm nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao ý thức trách nhiệm trên mỗi cương vị được phân công, góp phần hoàn thành nhiệm vụ được giao .

- Xây dựng phương án trả lương trong điều kiện thực tế của Công ty phù hợp quy định của Nhà nước, nhằm kịp thời động viên mọi thành viên trong công ty nỗ lực phấn đấu vì tiến bộ của bản thân và phát triển của Doanh nghiệp.

- Bổ sung và giám sát chặt chẽ qui trình sản xuất chế biến đường, điều nhân xuất khẩu và các loại sản phẩm khác, đặc biệt chú trọng đến chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Nhà nước.

- Phát triển nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.

- **Công tác thị trường:**

- Nắm bắt thị trường, phân tích thông tin để có kế hoạch tiêu thụ các loại sản phẩm đạt hiệu quả cao. Có chính sách đãi ngộ đối với các khách hàng để giữ mối liên hệ thường xuyên và lâu dài khi thị trường thuận lợi cũng như lúc khó khăn .

- **Công tác đoàn thể:**

- Phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức Đảng, Công đoàn, đoàn Thanh niên, và các tổ chức đoàn thể khác nhằm giáo dục ý thức trách nhiệm của người lao động cũng như phát động các phong trào thi đua nhằm tăng hiệu quả trong sản xuất.

- Thực hiện đúng những qui định của Nhà nước về môi trường và thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Về các mặt hoạt động của công ty.

- Các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, có trách nhiệm với cổ đông, có nhiều đổi mới mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý, điều hành góp phần tạo nên sự ổn định trong công ty. Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ SX chế biến vụ 2021 - 2022, việc làm và thu nhập người lao động ổn định, phát huy vai trò làm chủ của các cổ đông và người lao động, duy trì được kỷ cương của doanh nghiệp.

- Chỉ đạo xây dựng, bổ sung các nội qui, qui chế sát với yêu cầu thực tế đã phát huy được tác dụng tốt trong quản lý điều hành, nâng cao ý thức làm chủ của người lao động. Trong vụ sản xuất 2021 - 2022 công ty đã không xảy ra các tệ nạn xã hội, các công tác an ninh, an toàn VSTP, ATLĐ và PCCN đều được đảm bảo tốt. Nội bộ trong HĐQT đoàn kết và thống nhất cao trong hoạch định phát triển của Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành, xây dựng quy chế và đề ra các chính sách kinh tế theo hướng tích cực để phát triển vùng nguyên liệu mía trên diện tích đã được quy hoạch, đáp ứng phù hợp lộ trình mở rộng công suất nhà máy.

2. Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị tập trung bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh vụ sản xuất 2021-2022, tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành Công ty ứng phó với những biến động bất thường tình hình kinh tế trong nước trước ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới các mặt hoạt động công ty, kịp thời điều chỉnh để thích ứng xu thế mới, duy trì ổn định các mặt hoạt động đưa công ty vượt qua những khó khăn thách thức... để mang lại hiệu quả cao.

- Trong năm tổ chức các kỳ họp HĐQT theo định kỳ và lấy ý kiến thông qua phiếu biểu quyết; đã ban hành 11 Nghị quyết, Quyết định xoay quanh các lĩnh vực như: Thông qua mục tiêu, kế hoạch kinh doanh năm vụ 2021 - 2022, Đầu tư địa bàn vùng nguyên liệu mía, Phê duyệt các hạng mục đầu tư nâng cấp dây truyền sản xuất cùng nhiều nội dung liên quan khác,...

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 26/10/2021, thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phân phối lợi nhuận NĐTC 2020-2021 và quyết định một số vấn đề quan trọng khác.

- Hội đồng quản trị luôn quan tâm hàng đầu vấn đề phát triển vùng nguyên liệu mía; chỉ đạo hoàn thành dự án đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất chế biến đường theo

đúng kế hoạch đề ra. Vụ ép 2021-2022 đạt được: Diện tích mía là 2.251 ha; sản lượng mía nguyên liệu đạt 161.694 tấn; công suất ép bình quân đạt 1.657 tấn mía/ ngày.

3. Kế hoạch của Hội đồng quản trị :

Nền kinh tế-xã hội của nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức khi dịch Covid 19 lan rộng, kinh tế thế giới tiềm ẩn yếu tố rủi ro và được dự báo tiếp tục có những biến động khó lường. Ở trong nước giá bán đang duy trì ở mức cao nhưng sức tiêu thụ chậm dẫn đến sản phẩm tồn kho nhiều đã ảnh hưởng đến các Doanh nghiệp sản xuất đường nói chung và Công ty nói riêng .

Trước tình hình đó Hội đồng quản trị có những kế hoạch và giải pháp sau :

- Tập trung chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện công tác tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh để thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất vụ mía đường 2021- 2022 đảm bảo đạt >146.000 tấn mía và > 15.000 tấn đường theo kế hoạch.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác đầu tư, chăm sóc vùng nguyên liệu mía theo diện tích đã được quy hoạch đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho Nhà máy đường với công suất ép bình quân 1.700 TMN và có thể cao hơn. Tiếp tục bổ sung chính sách phát triển vùng nguyên liệu mía nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người trồng mía với Công ty.
- Tập trung chỉ đạo hoàn thành công tác đầu tư nâng công suất dây truyền SX đường, công tác sửa chữa bảo dưỡng dây truyền sản xuất
- Làm tốt hơn, thường xuyên hơn, chất lượng cao hơn công tác môi trường, sản xuất sạch hơn, giảm bụi và tiếng ồn, hài hoà lợi ích của doanh nghiệp với cộng đồng.
- Thực hiện tốt giải pháp về tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giảm chi phí sử dụng vốn. Giám sát quá trình thu nợ đầu tư để có vốn tái đầu tư vùng nguyên liệu và hoạt động sản xuất kinh doanh .
- Thực hiện nghiêm túc Quy chế quản trị Công ty theo tinh thần phát huy cao tính tự chủ, năng động sáng tạo và kỷ cương. Phân cấp, phân quyền, bổ sung và điều chỉnh quy chế trách nhiệm của HĐQT, Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc, các phòng ban đơn vị gắn với trách nhiệm vật chất. Tổ chức thông tin và cập nhật thông tin tình hình phát triển, những khó khăn thuận lợi của Công ty đến các cổ đông.
- Tạo điều kiện thuận lợi và phát huy vai trò của cá nhân và tập thể, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, phát huy văn hoá doanh nghiệp, tổ chức và nâng cao các hoạt động văn hoá thể thao du lịch cải thiện đời sống tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân lao động ngày càng gắn bó yêu mến Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2021 HĐQT không có sự thay đổi về nhân sự.

Hội đồng quản trị :**a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:**

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần có đến 30/6/2022	
		Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	180.616	5,11%
Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch/Tổng Giám đốc	18.808	0.53%
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên/Kế toán trưởng	79.184	2,24%
Ông Nông Văn Lạc	Thành viên HĐQT	1.591.319	45,11%
Ông Nông Văn Sơn	Thành viên/Phó Tổng Giám đốc	165.816	4,70%

b. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị: Hiện nay công ty chưa có các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của hội đồng quản trị:**Các cuộc họp, nghị quyết của HĐQT trong niên độ 2021 – 2022**

STT	Số nghị quyết/quyết định	Ngày	Nội dung
01	248/NQ-HĐQT	15/07/2021	Về việc nâng mức lương cho người lao động thâm niên, đầu tư 1.500 khối đá xô bồ cho địa bàn vùng nguyên liệu, Thông qua các chỉ tiêu năng suất, sản lượng mía và các chỉ tiêu kỹ thuật cho vụ ép 2021-2022.
02	265/NQ-HĐQT	03/08/2021	Thông qua các chỉ tiêu mục tiêu kế hoạch, đơn giá và quỹ lương kế hoạch vụ 2021-2022.
03	282/NQ-HĐQT	27/08/2021	Tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2021 bằng hình thức lấy Ý kiến cổ đông bằng văn bản.
04	389/NQ-HĐQT	28/10/2021	Triển khai thực hiện phương án chia cổ tức niên độ tài chính 2020-2021

05	407/NQ-HĐQT	09/11/2021	Ban hành chính sách giá thu mua mía nguyên liệu cho vụ ép 2021-2022
06	451/NQ-HĐQT	30/11/2021	Bổ nhiệm chức danh Phó phòng kỹ thuật
07	483/NQ-HĐQT	13/12/2021	Kế hoạch bán thêm 2.500 tấn đường trắng.
08	272/NQ-HĐQT	15/02/2022	Bán 2.000 tấn đường kính vàng.
09	322/NQ-HĐQT	04/04/2022	Hỗ trợ người lao động không bố trí được việc làm sau vụ sản xuất 2021-2022, nâng hệ số lương cơ bản, đầu tư các hạng mục lớn sau vụ ép.
10	374/NQ-HĐQT	27/06/2022	Hoàn thiện một phần căn hộ Shophouse, Mua xe ô tô Ben thương hiệu Thaco trọng tải 3,45 tấn, Duy trì cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm Quảng Uyên.

Hoạt động của hội đồng quản trị theo cơ chế tập trung dân chủ tuân thủ pháp luật, điều lệ và các nghị quyết đại hội cổ đông, của hội đồng quản trị. Các thành viên hội đồng quản trị thực hiện chức trách nhiệm vụ theo quy chế hiện hành. Chế độ hội họp của Hội đồng quản trị thực hiện đúng quy định điều lệ và qui chế làm việc, nội dung các cuộc họp chuẩn bị chu đáo, ghi biên bản và ban hành các nghị quyết triển khai đến các cấp điều hành thực hiện.

d. Hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành:

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành: Trong năm tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Giám sát chặt chẽ hoạt động SXKD của Công ty.

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát:

Danh sách Ban kiểm soát công ty:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần có đến 30/6/2022	
		Số cổ phần	Tỷ lệ SH cổ phần
Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng Ban kiểm soát	972	0,02%
Ông Trương Minh Đức	Thành viên BKS/ QĐ PX	0	0%
Ông Đinh Bế Đính	Thành viên BKS /QĐ PX	1.600	0,04%

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt

động Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát

a) Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức vụ	Số thành viên	Tiền lương	Thù lao HĐQT, BKS	Tổng cộng
1	Chủ tịch HĐQT	1	185,652,000		185,652,000
2	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1	166,786,000	25,920,000	192,706,000
3	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1	79,772,000	24,000,000	103,772,000
4	Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng	1	130,788,000	22,080,000	152,868,000
5	Thành viên độc lập HĐQT	1		22.080.000	22.080.000
6	Trưởng Ban kiểm soát	1	128,540,000		128,540,000
7	Thành viên Ban kiểm soát	2	251,398,000	23,040,000	274,438,000
8	Phó Tổng giám đốc	1	145,676,000		145,676,181
	Cộng		1,088,612,000	117,120,000	1,205,732,000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

STT	Tên cổ đông	Quan hệ với CĐNB	SL cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số lượng cổ phần sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	tỷ lệ	
1	Nông Văn Thuyết	CT HĐQT	165,816	4.70%	180,616	5.11%	
1.1	Hoàng Thị Tuyết Mai	Vợ	-		-		
1.2	Nông Triều Dương	Con	-		-		
1.3	Nông Hồng Duy	Con	-		0		

1.4	Nông Thị Thủy	Chị gái	7,722	0.22%	3,600	0.10%	
1.5	Nông Văn Trình	Em trai	5,880	0.16%	980	0.03%	
2	Ma Trung Lập	P CT HĐQT /TGĐ	53,508	1.51%	18,808	0.53%	
2.1	Lương Thị Hiền	Vợ	-		-		
2.2	Ma Đình Phong	Con	-		-		
3	Bà Mã Thị Quyết	TV HĐQT/ KTT	79,184	2.24%	51,684	1.46%	
3.1	Đàm Thịnh Hưng	Chồng	8,232	0.23%	2,732	0.07%	
3.2	Đàm Lê An Phượng	Con	-		-		
3.3	Đàm Lê An Khánh	Con	-		-		
4	Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT/ Phó TGĐ	31,300	0.89%	31,300	0.89%	
4.1	Nông Văn Lạc	Bố, Thành viên HĐQT	1,641,319	46.52%	1,591,319	45.11%	
4.2	Nông Thị Hoa	Mẹ	23,049	0.65%	7,549	0.21%	
4.3	Nông Thị Thu Hà	Chị	24,332	0.69%	32	0.00%	
5	Nông Thị Nậu	Phó TGĐ	28,812	0.81%	10,012	0.28%	
5.1	Đình Ích Bôi	Chồng	2,352	0.06%	-		
5.2	Đình Thị Bền	Con	3,920	0.11%	-		
5.3	Đình Mạnh Vững	Con	-		-		
6	Hoàng Thị Quyết	TB BKS	16,072	0.45%	972	0.02%	
6.1	Hoàng Ngọc Long	Chồng	-		0		
6.2	Hoàng Ngọc Quỳnh	Con	-		0		
6.3	Hoàng Ngọc Ân	Con	-		0		
6.4	Hoàng Văn Trường	Anh	5,762	0.33%	1,062	0.03%	
7	Trương Minh Đức	TV BKS	11,642	0.33%	0		

7.1	Sầm Thị Hương	Vợ	-		0		
7.2	Trương Minh Huy	Con	-		0		
7.3	Trương Minh Tân	Con	-		0		
8	Đinh Bế Đĩnh	TV BKS	7,840	0.22%	1,600	0.04%	
8.1	Nông Thị Hoạch	Vợ	1,960	0.05%	-	0	
8.2	Đinh Bế Thiên Đan	Con	-		-		
8.3	Đinh Thiên Lý	Con	-		-		

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) *Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Công ty tiếp tục hoàn thiện các quy chế về quản trị công ty, theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, phù hợp với tình hình thực tế của công ty nhằm nâng cao hiệu lực hiệu quả trong điều hành quản lý Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (được trình bày trong phần tiếp theo)

Gồm các nội dung:

I. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

II. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Đăng Website- CBS;
- Lưu Vt.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT
Nông Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 06 ngày 12 tháng 04 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 35.279.250.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012, thay đổi lần thứ 06 ngày 12 tháng 04 năm 2021, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất, xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cồn, bánh kẹo);
- Nhập khẩu vật tư máy móc, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất mía đường;
- Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía đường;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, đường dây tải điện đến 35KV và trạm biến áp;
- Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón phục vụ sản xuất bón vi sinh;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT
Ông Nông Văn Lạc	Thành viên HĐQT
Ông Ma Trung Lập	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT
Ông Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng ban
Ông Trương Minh Đức	Thành viên
Ông Đinh Bế Đình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Ma Trung Lập	Tổng Giám đốc
Bà Nông Thị Nậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nông Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mã Thị Quyết	Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 01/04/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nông Văn Thuyết Chủ tịch HĐQT

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NÔNG VĂN THUYẾT
Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 12 tháng 09 năm 2022

Số: 051/2022/BCKT-PB.00024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 09 năm 2022, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



ONG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM –
CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2022



ĐĂNG NGOC KHÁNH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2505-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.682.159.057	106.747.086.394
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	47.509.979.861	63.298.896.318
1. Tiền	111		47.509.979.861	63.298.896.318
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	30.000.000.000	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.912.733.005	19.054.624.775
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	14.653.064.841	9.980.690.901
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.026.713.346	7.188.480.606
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.952.140.193	1.623.500.583
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(103.818.060)	(122.680.000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		384.632.685	384.632.685
IV/ Hàng tồn kho	140	5.7	70.259.446.191	24.393.565.301
1. Hàng tồn kho	141		70.259.446.191	24.393.565.301
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.923.724.294	60.017.914.090
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		44.573.856.318	49.247.222.599
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	43.376.771.296	47.997.374.145
- Nguyên giá	222		240.538.929.607	244.215.197.197
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(197.162.158.311)	(196.217.823.052)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	1.197.085.022	1.249.848.454
- Nguyên giá	228		1.842.128.434	1.842.128.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(645.043.412)	(592.279.980)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		10.409.250.419	5.671.085.765
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	10.409.250.419	5.671.085.765
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		5.940.617.557	5.099.605.726
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	5.940.617.557	5.099.605.726
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		227.605.883.351	166.765.000.484

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		64.261.194.248	48.556.123.167
I/ Nợ ngắn hạn	310		64.261.194.248	48.556.123.167
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	4.366.908.723	157.795.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	31.245.995.603	6.736.187.603
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	14.014.752.826	3.166.543.930
4. Phải trả người lao động	314		1.666.634.968	1.437.861.741
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	144.000.000	219.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	2.349.771.796	1.685.868.778
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	6.437.168.000	33.937.168.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	2.700.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.335.962.332	1.215.698.069
II/ Nợ dài hạn	330		-	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		163.344.689.103	118.208.877.317
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.19	163.309.689.103	118.173.877.317
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.279.250.000	35.279.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.279.250.000	35.279.250.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		66.894.768.803	66.894.768.803
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.135.670.300	15.999.858.514
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.196.707.951	(40.453.131.813)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		49.938.962.349	56.452.990.327
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		35.000.000	35.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		35.000.000	35.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		227.605.883.351	166.765.000.484



NÔNG VĂN THUYẾT

Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 12 tháng 09 năm 2022

MÃ THỊ QUYẾT

Kế toán trưởng

MÃ THỊ QUYẾT

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	240.578.012.051	243.753.082.222
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	111.008.809	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		240.467.003.242	243.753.082.222
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	169.388.635.314	180.405.459.893
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.078.367.928	63.347.622.329
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	766.625.837	614.116.556
7. Chi phí tài chính	22	6.5	1.165.440.735	3.201.411.828
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.081.041.100	3.064.395.650
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	1.185.819.306	1.190.046.363
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	6.492.370.189	5.539.922.049
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.001.363.535	54.030.358.645
11. Thu nhập khác	31	6.8	13.607.506.372	12.357.043.317
12. Chi phí khác	32	6.9	14.148.695.971	9.424.029.050
13. Lợi nhuận khác	40		(541.189.599)	2.933.014.267
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.460.173.936	56.963.372.912
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	12.521.211.587	510.382.585
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		49.938.962.349	56.452.990.327
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	14.155	16.002
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	14.155	16.002



NÔNG VĂN THUYẾT

Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 12 tháng 09 năm 2022

MÃ THỊ QUYẾT

Kế toán trưởng

MÃ THỊ QUYẾT

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	277.068.168.810	259.245.770.876
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(191.931.721.884)	(155.603.540.624)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.721.815.699)	(13.370.042.649)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.081.041.100)	(3.741.999.147)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(510.382.585)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	988.257.360	1.770.281.424
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(21.375.580.367)	(21.257.481.763)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	48.435.884.535	67.042.988.117
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.244.019.142)	(5.129.245.242)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	110.025.453	400.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(100.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	70.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	759.785.565	278.505.150
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(33.374.208.124)	(4.450.740.092)
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	70.000.000.000	58.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(97.500.000.000)	(74.500.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.357.433.140)	(168.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.857.433.140)	(16.168.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(15.795.756.729)	46.424.248.025
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	63.298.896.318	16.881.696.811
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	6.840.272	(7.048.518)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	47.509.979.861	63.298.896.318



NÔNG VĂN THUYẾT
Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 12 tháng 09 năm 2022

MÃ THỊ QUYẾT
Kế toán trưởng

MÃ THỊ QUYẾT
Người lập biểu

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 06 ngày 12 tháng 04 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 35.279.250.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Công ty hiện đang niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch UPCOM theo quyết định số 428/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 06 năm 2017 của Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán: CBS.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 thay đổi lần thứ 06 ngày 12 tháng 04 năm 2021, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất, xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cồn, bánh kẹo);
- Nhập khẩu vật tư máy móc, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất mía đường;
- Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía đường;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, đường dây tải điện đến 35KV và trạm biến áp;
- Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón phục vụ sản xuất bón vi sinh;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu của năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm sau.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng Quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Là chi phí nguyên vật liệu đóng bao đường túi.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Các mặt hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền theo tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.7 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất của công ty bao gồm các diện tích đất có thời hạn sử dụng và không có thời hạn sử dụng cho mục đích xả thải. Chi tiết các diện tích đất được trình bày tại thuyết minh 5.8.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2022	01/07/2021
	VND	VND
Tiền mặt	473.902.750	228.184.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.036.077.111	63.070.711.818
<i>Tiền gửi VND</i>	45.709.359.646	62.633.703.708
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	1.326.717.465	437.008.110
Cộng	47.509.979.861	63.298.896.318

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2022:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - CNY	382.009,06	1.326.717.465

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000.000	30.000.000.000		-
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-

Đây là các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nam Quảng Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH TMTH Kim Anh	169.110.000	-	336.675.000	-
Công ty TNHH SX và Thương Mại Tư Dung	353.655.001	-	339.690.000	-
Phải thu nợ vùng nguyên liệu	13.313.790.100	-	8.588.783.270	-
Các khách hàng khác	816.509.740	(93.818.060)	715.542.631	(112.680.000)
Cộng	14.653.064.841	(93.818.060)	9.980.690.901	(112.680.000)

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Bất động sản Hano-Vid	-	-	4.673.456.238	-
Công ty TNHH Thiết bị năng lượng môi trường Tinh nhuệ Quảng Tây	245.585.118	-	1.024.931.250	-
Công ty TNHH Thương mại Kim Khí Việt	1.129.951.768	-	623.364.461	-
Các khách hàng khác	651.176.460	-	866.728.657	-
Cộng	2.026.713.346	-	7.188.480.606	-

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	1.552.718.698	-	1.226.602.628	-
Phải thu BHXH, KPCĐ người lao động	243.588.636	-	189.438.704	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	155.832.859	(10.000.000)	207.459.251	(10.000.000)
Cộng	1.952.140.193	(10.000.000)	1.623.500.583	(10.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.6 Nợ xấu

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Hà Thị Thoa	35.100.000	-	42.120.000	-
Ngọc Thị Tuyết	58.718.060	-	70.560.000	-
Ban QL KKT cửa khẩu Tà Lùng	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	103.818.060	-	122.680.000	-

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	935.535.216	-	709.368.007	-
Công cụ, dụng cụ	3.593.219.323	-	2.660.369.067	-
Chi phí SXKD dở dang	70.925.561	-	323.553.730	-
Thành phẩm	65.494.800.799	-	20.176.106.955	-
Hàng hoá	60.487.490	-	414.918.172	-
Hàng gửi đi bán	104.477.802	-	109.249.370	-
Cộng	70.259.446.191	-	24.393.565.301	-

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/07/2021	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản	5.671.085.765	4.738.164.654	-	10.409.250.419
Dự án Trại mía giống	442.919.903	-	-	442.919.903
Dự án khu dân cư	5.207.254.052	-	-	5.207.254.052
Gian hàng shophouse	20.911.810	4.648.164.654	-	4.669.076.464
Bể nước hồi lưu	-	90.000.000	-	90.000.000
	5.671.085.765	4.738.164.654	-	10.409.250.419

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/07/2021	60.067.712.479	180.141.517.307	3.755.657.527	250.309.884	244.215.197.197
Mua trong kỳ	534.442.725	4.154.576.417			4.689.019.142
Phân loại lại thành tài sản	215.797.707				215.797.707
Thanh lý, nhượng bán	(87.337.645)	(8.493.746.794)			(8.581.084.439)
30/06/2022	60.730.615.266	175.802.346.930	3.755.657.527	250.309.884	240.538.929.607
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
01/07/2021	45.185.672.108	148.400.014.903	2.445.417.823	186.718.218	196.217.823.052
Khấu hao trong năm	2.313.707.754	6.728.881.045	280.039.908	15.139.015	9.337.767.722
Phân loại lại thành tài sản	153.604.808				153.604.808
Thanh lý, nhượng bán	(87.337.645)	(8.459.699.626)			(8.547.037.271)
30/06/2022	47.565.647.025	146.669.196.322	2.725.457.731	201.857.233	197.162.158.311
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/07/2021	14.882.040.371	31.741.502.404	1.310.239.704	63.591.666	47.997.374.145
30/06/2022	13.164.968.241	29.133.150.608	1.030.199.796	48.452.651	43.376.771.296

Giá trị còn lại của tài sản cố định đem thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng là 33.140.977.751 đồng.
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 124.436.236.462 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẮNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình						
	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/07/2021	1.724.719.343	-	-	117.409.091	-	1.842.128.434
30/06/2022	1.724.719.343	-	-	117.409.091	-	1.842.128.434
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
01/07/2021	474.870.889	-	-	117.409.091	-	592.279.980
Khấu hao trong năm	52.763.432				-	52.763.432
30/06/2022	527.634.321	-	-	117.409.091	-	645.043.412
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/07/2021	1.249.848.454	-	-	-	-	1.249.848.454
30/06/2022	1.197.085.022	-	-	-	-	1.197.085.022

Giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022 gồm:

Lô đất	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Giá trị (VND)	Pháp lý
Đất ao thải	8.890	20 năm	1.055.268.643	Đã có sổ đỏ
Đất tuyến mương thoát nước ao thải		Không thời hạn	27.191.700	Đang làm sổ đỏ
Đất bến Xà Lan	3.633,5	Không thời hạn	574.911.000	Đang làm sổ đỏ
Đất tại cửa xả nước thải	160	Không thời hạn	67.348.000	Đang làm sổ đỏ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2022	01/07/2021
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.416.279.996	4.346.958.656
Chi phí sửa chữa	2.333.424.228	682.854.200
Các khoản khác	190.913.333	69.792.870
Cộng	5.940.617.557	5.099.605.726

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Mậu dịch Hoa Khánh huyện Long Châu TQ	103.996.730	103.996.730	92.508.696	92.508.696
Các cá nhân chuyên chở mía	3.961.190.201	3.961.190.201	-	-
Các nhà cung cấp khác	301.721.792	301.721.792	65.286.350	65.286.350
Cộng	4.366.908.723	4.366.908.723	157.795.046	157.795.046

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CPTM&DV Song Phương	7.581.900.000	7.581.900.000	4.040.400.000	4.040.400.000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hiền Nhung	-	-	1.845.892.000	1.845.892.000
Lê Thị Đức - Cty TNHH Đức Lộc	4.458.500.000	4.458.500.000	420.600.000	420.600.000
Công ty CP đầu tư TM DV Minh Phúc	5.958.500.000	5.958.500.000	-	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị Phương Bắc BN	6.112.500.000	6.112.500.000	-	-
Các đối tượng khác	7.134.595.603	7.134.595.603	429.295.603	429.295.603
Cộng	31.245.995.603	31.245.995.603	6.736.187.603	6.736.187.603

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/07/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.645.335.845	9.744.890.308	10.896.684.914	1.493.541.239
Thuế xuất, nhập khẩu	-	361.739.258	361.739.258	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	510.382.585	12.521.211.587	510.382.585	12.521.211.587
Thuế thu nhập cá nhân	700.000	172.411.795	173.111.795	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	561.235.207	561.235.207	-
Các loại thuế khác	-	30.512.687	30.512.687	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	10.125.500	282.033.700	292.159.200	-
Cộng	3.166.543.930	23.392.000.842	12.533.666.446	14.014.752.826

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022	01/07/2021
	VND	VND
Chi phí khác	144.000.000	219.000.000
Cộng	144.000.000	219.000.000

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	447.864.302	447.864.302	381.440.146	381.440.146
Cổ tức phải trả	18.342.450	18.342.450	17.236.840	17.236.840
Phải trả khác	1.883.565.044	1.883.565.044	1.287.191.792	1.287.191.792
Cộng	2.349.771.796	2.349.771.796	1.685.868.778	1.685.868.778

5.17 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/06/2022	01/07/2021
	VND	VND
Dự phòng quỹ lương mùa vụ 2022 - 2023	2.700.000.000	-
Cộng	2.700.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2022		Trong kỳ		01/07/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	6.437.168.000	6.437.168.000	70.000.000.000	97.500.000.000	33.937.168.000	33.937.168.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Phục Hoà (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	70.000.000.000	97.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000
Vay cá nhân khác	1.437.168.000	1.437.168.000	-	-	1.437.168.000	1.437.168.000
Cộng	6.437.168.000	6.437.168.000	70.000.000.000	97.500.000.000	33.937.168.000	33.937.168.000

(i) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 8312-LAV-202101144 ngày 06 tháng 12 năm 2021 với hạn mức tín dụng tối đa là 50.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là để mua mía nguyên liệu, mua nguyên nhiên vật liệu khác phục vụ sản xuất và mua mía giống, phân bón, với bột ứng trước cho người trồng mía. Thời hạn cho vay của hợp đồng không quá 12 tháng được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng tài sản cố định của Công ty, tài sản thuộc sở hữu của ông Nông Văn Thuyết và bà Hoàng Thị Tuyết Mai gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẮNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.19 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.19.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	35.279.250.000	3.943.264.691	66.894.768.803	9.986.262.112	(54.382.658.616)	61.720.886.990
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	56.452.990.327	56.452.990.327
Bù đắp lỗ lũy kế (i)		(3.943.264.691)		(9.986.262.112)	13.929.526.803	-
Số dư cuối năm trước	35.279.250.000	-	66.894.768.803	-	15.999.858.514	118.173.877.317
Số dư đầu năm	35.279.250.000	-	66.894.768.803	-	15.999.858.514	118.173.877.317
Lãi trong năm nay					49.938.962.349	49.938.962.349
Chia cổ tức (ii)					(3.527.925.000)	(3.527.925.000)
Trích lập các quỹ (ii)					(1.275.225.563)	(1.275.225.563)
Số dư cuối năm	35.279.250.000	-	66.894.768.803	-	61.135.670.300	163.309.689.103

(i) Theo nghị quyết số 216/CV-MĐCB ngày 17 tháng 06 năm 2021 về kết quả lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản vấn đề bù lỗ lũy kế, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã chấp thuận thông qua việc bù lỗ lũy kế từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. Theo đó, tổng số lỗ lũy kế được bù đắp là 13.929.526.803 đồng, bao gồm 3.943.264.691 đồng từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần và 9.986.262.112 đồng từ nguồn Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

(ii) Công ty trích lập các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 381/2021/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 26 tháng 10 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Nông Văn Lạc	15.913.190.000	45,11%	16.413.190.000	46,52%
Nông Văn Thuyết	1.806.160.000	5,12%	1.658.160.000	4,70%
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương	1.460.000.000	4,14%	1.960.000.000	5,56%
Vốn góp của cổ đông khác	16.099.900.000	45,64%	15.247.900.000	43,22%
Cộng	35.279.250.000	100%	35.279.250.000	100%

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán đường	222.658.706.831	232.829.406.855
Doanh thu bán phụ phẩm sản xuất đường	17.919.305.220	10.923.675.367
Cộng	240.578.012.051	243.753.082.222

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	37.865.952	-
Hàng bán bị trả lại	73.142.857	-
Cộng	111.008.809	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn đường	169.310.630.902	179.792.837.089
Giá vốn phụ phẩm sản xuất đường	78.004.412	612.622.804
Cộng	169.388.635.314	180.405.459.893

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	759.785.565	278.505.150
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.784.200	335.611.406
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.056.072	-
	766.625.837	614.116.556

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.081.041.100	3.064.395.650
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	84.399.635	129.967.660
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	7.048.518
Cộng	1.165.440.735	3.201.411.828

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	266.105.888	223.775.745
Chi phí khấu hao TSCĐ	128.180.363	128.180.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác	791.533.055	838.090.255
Cộng	1.185.819.306	1.190.046.363

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.190.729.440	1.972.057.742
Chi phí đồ dùng văn phòng	398.392.719	498.773.767
Chi phí khấu hao TSCĐ	326.979.958	351.748.768
Thuế, phí và lệ phí	594.747.894	477.828.231
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(18.861.940)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác	2.000.382.118	2.239.513.541
Cộng	6.492.370.189	5.539.922.049

6.8 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	75.978.285	363.636.363
Bán phân bón, mía giống	13.400.960.990	9.270.133.186
Hoàn nhập quỹ phát triển KHCN	-	2.531.391.000
Thu nhập khác	130.567.097	191.882.768
Cộng	13.607.506.372	12.357.043.317

6.9 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của phân bón, mía giống	13.466.580.415	8.747.565.433
Các khoản khác	682.115.556	676.463.617
Cộng	14.148.695.971	9.424.029.050

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.460.173.936	56.963.372.912
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	145.884.000	(2.545.718.035)
Các khoản điều chỉnh tăng	145.884.000	20.037.813
Chi phí không hợp lệ	145.884.000	20.037.813
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.565.755.848)
Giá trị hoàn nhập quỹ phát triển công nghệ	-	(2.531.391.000)
Lợi nhuận năm nay do điều chỉnh kết quả kinh doanh năm trước theo kết quả thanh tra thuế		(34.364.848)
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	(54.397.132.951)
Thu nhập tính thuế TNDN	62.606.057.936	20.521.926
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	12.521.211.587	4.104.385
Thuế TNDN phát sinh do hoàn nhập quỹ phát triển KHCN (thuế suất 20%)	-	506.278.200
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	12.521.211.587	510.382.585

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	49.938.962.349	56.452.990.327
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	49.938.962.349	56.452.990.327
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.527.925	3.527.925
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.155	16.002

6.12 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	49.938.962.349	56.452.990.327
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	49.938.962.349	56.452.990.327
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.527.925	3.527.925
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.155	16.002

6.13 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	24.533.964.144	20.695.908.891
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	181.064.891.365	143.882.545.414
Chi phí công cụ dụng cụ	543.164.032	498.773.767
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.390.531.154	9.351.377.154
Thuế, phí, lệ phí	594.747.894	477.828.231
Chi phí dự phòng	(18.861.940)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác	6.218.199.186	7.417.975.976
Cộng	222.326.635.835	182.324.409.433

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên quản lý	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	185.652.874	153.693.000
Nông Văn Lạc	Thành Viên HĐQT	22.080.000	120.820.000
Ma Trung Lập	Phó Chủ tịch HĐQT	192.706.106	179.729.000
Nông Văn Sơn	Thành Viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	103.772.346	40.996.000
Mã Thị Quyết	Thành Viên HĐQT - Kế toán trưởng	152.867.769	140.903.000
Nông Thị Nậu	Phó Tổng giám đốc	145.676.181	134.395.000
Hoàng Thị Quyết	Trưởng BKS	128.540.077	120.910.000
Trương Minh Đức	Trưởng BKS	138.475.179	119.734.000
Đinh Bế Đính	Trưởng BKS	135.962.963	127.421.000
Cộng		1.205.733.495	1.138.601.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm tài chính, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

7.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NÔNG VĂN THUYẾT

Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 12 tháng 09 năm 2022

MÃ THỊ QUYẾT

Kế toán trưởng

MÃ THỊ QUYẾT

Người lập biểu